

THÔNG BÁO GIÁ BÁN ĐIỆN MỚI

- Căn cứ Quyết định số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12/02/2009 của Thủ tướng Chính Phủ và Thông tư số 05/2009/TT-BCT ngày 26/02/2009 của Bộ Công Thương, quy định giá bán điện năm 2009 và hướng dẫn thực hiện.

- Kể từ ngày **01/03/2009**, Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biểu giá bán điện mới như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG GIÁ	GIÁ BÁN ĐIỆN CHƯA CÓ THUẾ GTGT (Đơn vị tính: Đồng/kWh)
1	Giá bán lẻ cho các ngành sản xuất:	
	<i>Cấp điện áp từ 110 kV trở lên</i>	
	a) Giờ bình thường	835
	b) Giờ thấp điểm	455
	c) Giờ cao điểm	1.690
	<i>Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV</i>	
	a) Giờ bình thường	870
	b) Giờ thấp điểm	475
	c) Giờ cao điểm	1.755
	<i>Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV</i>	
	a) Giờ bình thường	920
	b) Giờ thấp điểm	510
	c) Giờ cao điểm	1.830
	<i>Cấp điện áp dưới 6 kV</i>	
	a) Giờ bình thường	955
	b) Giờ thấp điểm	540
	c) Giờ cao điểm	1.900
2	Giá bán lẻ điện cho bơm nước tưới tiêu:	
	<i>Cấp điện áp từ 6 kV trở lên</i>	
	a) Giờ bình thường	645
	b) Giờ thấp điểm	255
	c) Giờ cao điểm	1.220
	<i>Cấp điện áp dưới 6 kV</i>	
	a) Giờ bình thường	670
	b) Giờ thấp điểm	265
	c) Giờ cao điểm	1.280
3	Giá bán lẻ điện cho các đối tượng hành chính, sự nghiệp	
3.1	Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông:	
	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	950
	Cấp điện áp dưới 6 kV	1000
3.2	Chiếu sáng công cộng:	

	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1060
	Cấp điện áp dưới 6 kV	1110
3.3	Đơn vị hành chính sự nghiệp:	
	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	1090
	Cấp điện áp dưới 6 kV	1135
4	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh	
	<i>Cấp điện áp từ 22 kV trở lên</i>	
	a) Giờ bình thường	1.540
	b) Giờ thấp điểm	835
	c) Giờ cao điểm	2.830
	<i>Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV</i>	
	a) Giờ bình thường	1.650
	b) Giờ thấp điểm	960
	c) Giờ cao điểm	2.940
	<i>Cấp điện áp dưới 6 kV</i>	
	a) Giờ bình thường	1.725
	b) Giờ thấp điểm	995
	c) Giờ cao điểm	3.100
5	Giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang	
	Cho 50 kWh đầu tiên	600
	Cho kWh từ 51 đến 100	865
	Cho kWh từ 101 đến 150	1.135
	Cho kWh từ 151 đến 200	1.495
	Cho kWh từ 201 đến 300	1.620
	Cho kWh từ 301 đến 400	1.740
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.790
6	Giá bán buôn điện nông thôn:	
6.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn:	
	Cho 50 kWh đầu tiên	420
	Cho kWh từ 51 đến 100	605
	Cho kWh từ 101 đến 150	795
	Cho kWh từ 151 đến 200	1.120
	Cho kWh từ 201 đến 300	1.215
	Cho kWh từ 301 đến 400	1.305
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.345
6.2	Giá bán buôn điện sử dụng cho các mục đích khác:	865
7	Giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư:	
7.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt cho khu tập thể, cụm dân cư:	
	Thành Phố, thị xã:	
	<i>a) Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư</i>	
	Cho 50 kWh đầu tiên	515
	Cho kWh từ 51 đến 100	745
	Cho kWh từ 101 đến 150	975
	Cho kWh từ 151 đến 200	1.315
	Cho kWh từ 201 đến 300	1.425
	Cho kWh từ 301 đến 400	1.530

	Cho kWh từ 401 trở lên	1.575
	<i>b) Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư</i>	
	Cho kWh đầu tiên	535
	Cho kWh từ 51 đến 100	770
	Cho kWh từ 101 đến 150	1.010
	Cho kWh từ 151 đến 200	1.360
	Cho kWh từ 201 đến 300	1.475
	Cho kWh từ 301 đến 400	1.585
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.630
	Thị trấn, huyện lỵ:	
	<i>a) Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư</i>	
	Cho kWh đầu tiên	485
	Cho kWh từ 51 đến 100	700
	Cho kWh từ 101 đến 150	920
	Cho kWh từ 151 đến 200	1.225
	Cho kWh từ 201 đến 300	1.325
	Cho kWh từ 301 đến 400	1.425
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.465
	<i>b) Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư</i>	
	Cho kWh đầu tiên	500
	Cho kWh từ 51 đến 100	720
	Cho kWh từ 101 đến 150	945
	Cho kWh từ 151 đến 200	1.270
	Cho kWh từ 201 đến 300	1.375
	Cho kWh từ 301 đến 400	1.480
	Cho kWh từ 401 trở lên	1.520
7.2	Giá bán buôn điện sử dụng cho các mục đích khác của khu tập thể cụm dân cư:	
7.2.1	Thành Phố (trừ nhà cao tầng khu đô thị mới) thị xã, thị trấn, huyện lỵ (không phân biệt cấp điện áp)	940
7.2.2	Nhà cao tầng tại khu đô thị mới tại thành phố	
	Cấp điện áp từ 22 kV trở lên	1.463
	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	1.568
	Cấp điện áp dưới 6 kV	1.639
8	Giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp tại thanh cái 110kV	
	<i>Công suất Máy biến áp lớn hơn 100 MVA</i>	
	a) Giờ bình thường	814
	b) Giờ thấp điểm	444
	c) Giờ cao điểm	1.648
	<i>Công suất Máy biến áp từ 50MVA đến 100 MVA</i>	
	a) Giờ bình thường	810
	b) Giờ thấp điểm	440
	c) Giờ cao điểm	1.640
	<i>Công suất Máy biến áp nhỏ 50 MVA</i>	
	a) Giờ bình thường	800
	b) Giờ thấp điểm	435
	c) Giờ cao điểm	1.620

